

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản mô tả chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp được ban hành kèm theo Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 25/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Trưởng các khoa/viện đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

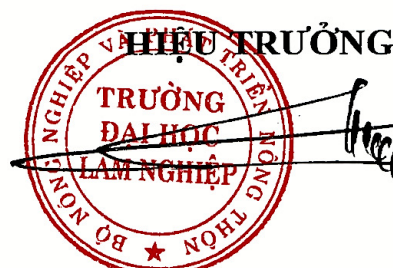
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản mô tả chương trình đào tạo các ngành học trình độ đại học thuộc Trường Đại học Lâm nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường, Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Các Phân hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.



Trần Văn Chữ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: THIẾT KẾ NỘI THẤT

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC

*((Ban hành kèm theo Quyết định số 518-1/QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 10/3/2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp))*

Hà Nội, tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1. Về kiến thức	5
1.1. Kiến thức cơ bản	Er
ror! Bookmark not defined.	
1.2. Kiến thức chuyên môn	Er
ror! Bookmark not defined.	
2. Về kỹ năng	Er
ror! Bookmark not defined.	
2.1. Kỹ năng cứng	Er
ror! Bookmark not defined.	
2.2. Kỹ năng mềm	Er
ror! Bookmark not defined.	
3. Về thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm	Er
ror! Bookmark not defined.	
4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	5
5. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường	6
6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo	6
6.1. Các chương trình trong nước	Er
ror! Bookmark not defined.	
6.2. Các chương trình quốc tế	Er
ror! Bookmark not defined.	
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	8
1. Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	8
2. Khung chương trình đào tạo chi tiết:	8
3. Ma trận kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đầu ra:	11
4. Các bản mô tả môn học/học phần	15
5. Phương pháp và hình thức đào tạo	25
6. Cách thức đánh giá kết quả học tập	25

7. Các chương trình đào tạo được tham khảo.....	26
8. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT	26

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về cơ sở cấp bằng và cơ sở đào tạo

- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Lâm nghiệp
- Đơn vị đào tạo: Viện Công nghiệp gỗ và Nội thất

2. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành: Tiếng Việt: Thiết kế nội thất
Tiếng Anh: Interior Design
- Mã số ngành đào tạo: 7580108
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 3,5-4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Thiết kế nội thất
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Viện Công nghiệp và Nội thất
- Thông tin về kiểm định chất lượng: Chưa được kiểm định chất lượng

3. Mục tiêu đào tạo

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân thiết kế nội thất có kiến thức tổng hợp về khoa học kỹ thuật, mỹ thuật và xã hội nhân văn; có năng lực thiết kế và kỹ năng mềm phù hợp; có thái độ nghề nghiệp tốt đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực trong lĩnh vực thiết kế và thi công công trình nội thất, thiết kế và chế tạo sản phẩm nội thất.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

MT1: Làm việc được tại các cơ quan công lập, doanh nghiệp và tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực Thiết kế nội thất;

MT2: Sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết vấn đề mới; quản lý và điều hành được hoạt động thiết kế và thi công nội thất, thiết kế và sản xuất sản phẩm nội thất;

MT3: Có khả năng học tập nâng cao trình độ; Phát triển sự nghiệp để trở thành chuyên gia, nhà quản lý, lãnh đạo; quản lý chương trình và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;

MT4: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong lĩnh vực Thiết kế nội thất;

MT5: Trở thành công dân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, yêu ngành, yêu nghề, năng động và sáng tạo.

Về trình độ ngoại ngữ và tin học

MT6: Đạt trình độ tiếng Anh chuẩn TOEIC 450 theo Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp hoặc các chứng chỉ khác tương đương.

MT7: Đạt trình độ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông và Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

4. Thông tin tuyển sinh

Về phạm vi tuyển sinh: Cả nước, theo các tổ hợp xét tuyển gồm A00, C15, D01, H00.

Về đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, có đủ điều kiện theo quy chế hiện hành của Bộ GDĐT

Về phương thức tuyển sinh:

- + Xét tuyển sinh dựa theo kết quả thi THPT Quốc gia
- + Xét học bạ THPT
- + Xét tuyển thẳng
- + Xét tuyển theo đơn đặt hàng

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên sẽ đạt được các yêu cầu sau đây:

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung:

CDR1: Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, pháp luật; giáo dục thể chất (chứng chỉ); quốc phòng – an ninh (chứng chỉ); công nghệ thông tin (chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản); tiếng anh chuẩn TOEIC 450 theo Quyết định số 2441/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 16/11/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp hoặc các chứng chỉ khác tương đương vào công việc thực tiễn của một Cử nhân ngành Thiết kế nội thất.

1.2. Kiến thức chuyên môn

CDR2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học nhân văn, nghệ thuật và cảm thụ mỹ thuật: Vẽ mỹ thuật, về cơ sở tạo hình, về cơ sở mỹ thuật công nghiệp, tạo dáng sản phẩm công nghiệp, về cơ sở kiến trúc và môi trường vật lý kiến trúc,... vào lĩnh vực thiết kế kiến trúc và nội thất;

CDR3: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về hình họa, vẽ kỹ thuật; bản vẽ kỹ thuật trong thiết kế không gian và sản phẩm nội thất;

CDR4: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về trình tự thiết kế sản phẩm, thiết kế tạo dáng và công năng sản phẩm, cấu tạo và kết cấu sản phẩm; Hiểu biết về vật liệu và công nghệ gia công sản xuất sản phẩm nội thất;

CDR5: Hiểu và vận dụng các kiến thức về nguyên lý thiết kế nội thất, trình tự thiết kế; thiết kế kỹ thuật, tổ chức không gian nội thất, các yếu tố thiết kế, vật liệu sử dụng trong công trình nội thất;

CDR6: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về tổ chức và giám sát thi công trong quá trình thi công công trình và sản xuất đồ gỗ nội thất;

CDR7: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về kinh doanh và khởi nghiệp, về khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại trong lĩnh vực của ngành và liên ngành.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

CDR8: Thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất: Khảo sát hiện trường, thu thập thông tin làm căn cứ thiết kế; Phân tích, tổng hợp, đánh giá thiết kế; Thể hiện phương án thiết kế sơ bộ (2D) trên máy tính bằng phần mềm thông dụng; Thể hiện phương án thiết kế không gian và sản phẩm (3D) trên máy tính bằng phần mềm thông dụng; Vẽ bóc tách kết cấu kiến trúc nội thất và sản phẩm nội thất theo đúng tiêu chuẩn vẽ kỹ thuật và những quy ước trong lĩnh vực thiết kế; Tính toán khối lượng và hoàn thiện hồ sơ thiết kế; Báo cáo, thuyết minh thiết kế;

CDR9: Tổ chức và quản lý quá trình sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội

thất: Đọc bản vẽ kỹ thuật trong lĩnh vực thiết kế kiến trúc nội thất và sản phẩm nội thất; Lập kế hoạch tiến độ thi công công trình và sản xuất sản phẩm nội thất; Hướng dẫn và tổ chức quá trình thi công công trình và sản xuất sản phẩm nội thất;

CĐR10: Giám sát quá trình sản xuất và thi công: Quản lý chất lượng, giám sát quá trình sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội thất theo kế hoạch; Phân tích, báo cáo đánh giá chất lượng và tiến độ sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội thất;

CĐR11: Vận hành một số trang thiết bị đặc thù chuyên dụng trong sản xuất sản phẩm và thi công công trình nội thất.

2.2. Kỹ năng mềm

CĐR12: Có kỹ năng đàm phán và thương thuyết, viết báo cáo và thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn; có kỹ năng tổ chức quản lý và điều hành;

CĐR13: Sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ thiết kế 2D và 3D thông dụng trong lĩnh vực thiết kế nội thất.

3. Thái độ, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

CĐR14: Có kỹ năng tự học hỏi, tìm tòi, khám phá và cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, có tư duy sáng tạo và tư duy phản biện;

CĐR15: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; Có phẩm chất đạo đức và ý thức nghề nghiệp tốt, tự chủ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm về mọi hành vi của bản thân trước pháp luật.

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Thiết kế nội thất có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Là chuyên gia trong các tổ chức tư vấn, thiết kế, giám sát, thi công về nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Là nghiên cứu viên, giảng viên giảng dạy trong các trường Đại học, Cao đẳng, Học viện, Viện nghiên cứu liên quan đến thiết kế nội thất;
- Hành nghề độc lập về thiết kế nội thất các công trình kiến trúc dân dụng và công nghiệp.

5. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên tốt nghiệp ngành Thiết kế nội thất có thể học tập cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) tại các tổ chức, cơ sở hoặc các trường Đại học/Học viện trong và ngoài nước trong lĩnh vực thiết kế nội thất và những lĩnh vực liên quan khác.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

6.1. Các chương trình trong nước

1. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội: 145 tín chỉ/4.5 năm

http://hau.edu.vn/Cac-nganh-dao-tao-Khoa-Noi-that--My-thuat-CN_n801.html

2. Trường Đại học Kiến trúc Hồ Chí Minh: 173 tín chỉ/5 năm

<http://www.uah.edu.vn/router/thiet-ke-noi-that-367.html>

3. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng: 160 tín chỉ/5 năm

<http://kientruc.dau.edu.vn/intro.aspx?m=71>

4. Trường Đại học Nguyễn Trãi: 165 tín/5 năm

<http://daihocnguyentraivn.edu.vn/thiet-ke-noi/>

6.1. Các chương trình quốc tế

1. Queensland University – Úc: 144 tín chỉ/ 3 năm

- <https://www.qut.edu.au/courses/bachelor-of-design-interior-architecture>

2. European Institute of Design - Milano Campus – Ý: 180 tín chỉ/ 3 năm

<https://www.ied.edu/milan/design-school/undergraduate-courses/interior-design/DBB810E>

3. Iowa State University - Mỹ: 129.5 - 130.5 tín chỉ/ 4 năm

<https://catalog.iastate.edu/collegeofdesign/interiordesign/#fouryearplantext>

4. 南京林业大学 (Đại học Lâm nghiệp Nam Kinh): 170 tín chỉ/4 năm

<https://art.njfu.edu.cn/>

5. 同济大学 (Đại học Đồng Tế): 160 tín chỉ/ 4 năm và 200 tín chỉ/5 năm

<https://caup.tongji.edu.cn/10948/list.htm>

6. 扬州大学 (Đại học Dương Châu): 164 tín chỉ/ 4 năm

<http://msxy.yzu.edu.cn/col/col43421/index.html>

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:

Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương	38	29.23
1. Học phần bắt buộc theo quy định	21	16.15
2. Các học phần của trường	13	10.00
3. Học phần tự chọn	4	3.08
B. Khối kiến thức GDCN	92	70.77
1. Kiến thức cơ sở ngành	20	15.38
1.1. Học phần bắt buộc	14	10.77
1.2. Học phần tự chọn	6	4.62
2. Kiến thức ngành và chuyên ngành	37	28.46
2.1. Học phần bắt buộc	27	20.77
2.2. Học phần tự chọn	10	7.69
3. Kiến thức bổ trợ	10	7.69
3.1. Học phần bắt buộc	6	4.62
3.2. Học phần bắt buộc	4	3.08
4. Học kỳ doanh nghiệp	15	11.54
5. Tốt nghiệp	10	7.69
Tổng số tín chỉ	130	100.00

2. Khung chương trình đào tạo chi tiết:

TT	Tên học phần	TC	Thời lượng (tiết)								HP tiên quyết	
			Lý thuyết		Bài tập/ Thảo luận		Đồ án/Bài tập lớn		Thí nghiệm/ Thực hành			Tự học
			TC	TT	TC	TT	TC	TT	TC	TT		
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		38										
1.1	Các học phần bắt buộc	21										
1	Triết học Mác – Lênin	3	31	31	14	28						
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	21	9	18						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	21	9	18						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	21	9	18						
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	21	9	18						
6	Tiếng Anh 1	3	30	30	15	30						
7	Tiếng Anh 2	3	30	30	15	30						

8	Tin học đại cương	2	20	20					10	20		
9	Pháp luật đại cương	2	30	30								
1.2	Các học phần của Trường	13										
1	Mỹ học	2	20	20	10	20						
2	Luật xa gần	3	30	30					15	30		
3	Hình họa đen trắng	4	15	15	15	30			30	60		
4	Hình họa màu	4	15	15	15	30			30	60		
1.3	Các học phần tự chọn	4/8										
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành nội thất	2	25	25	5	10						
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	20	10	20						
3	Lịch sử Mỹ thuật	2	20	20	10	20						
4	Tâm lý học đại cương	2	30	30								
1.4	Giáo dục thể chất		Theo quy định của Bộ GD&ĐT									
1.5	Giáo dục Quốc phòng		Theo quy định của Bộ GD&ĐT									
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		92										
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	20										
2.1.1	Kiến thức bắt buộc	14										
1	Vẽ kỹ thuật trong TKNT	2	15	15					15	30		
2	Cơ sở tạo hình	4	30	30					30	60		
3	Vật liệu nội thất	3	30	30	5	10			10	20		
4	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	30	30	15	30						
5	Ergonomics trong thiết kế nội thất	2	20	20	10	20						
2.1.2	Kiến thức tự chọn	6/10										
1	Màu sắc trong TKNT	2	20	20	10	20						
2	Phong thủy trong TKNT	2	20	20	10	20						
3	Thiết kế môi trường vật lý kiến trúc	2	20	20	10	20						
4	Cơ sở mỹ thuật công nghiệp	2	10	10	10	20			10	20		
5	Tạo dáng sản phẩm công nghiệp	2	15	15					15	45		
2.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	37										
2.2.1	Kiến thức bắt buộc	27										
1	Công nghệ gia công sản phẩm nội thất	4	30	30	15	30			15	30		
2	Thiết kế sản phẩm nội thất	4	30	30	15	30	15	45				
3	Thiết kế nội thất nhà ở	3	30	30			15	45				
4	Thiết kế nội thất công trình công cộng	4	30	30	15	30	15	45				

[illegible]

3. Ma trận kiến thức, kỹ năng theo chuẩn đầu ra:

[illegible]

[illegible]

28	Công nghệ gia công sản phẩm nội thất				✓		✓		✓	✓	✓	✓				
29	Thiết kế sản phẩm nội thất				✓		✓		✓	✓	✓			✓		✓
30	Thiết kế nội thất nhà ở					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
31	Thiết kế nội thất công trình công cộng					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
32	Đồ án thiết kế sản phẩm nội thất				✓		✓		✓	✓	✓			✓		✓
33	Đồ án thiết kế nội thất nhà ở					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
34	Đồ án thiết kế nội thất CT công cộng					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
35	Thiết kế thi công công trình NT					✓	✓			✓	✓					✓
36	Tổ chức thi công công trình nội thất						✓			✓	✓					✓
2.2.2	<i>Kiểm thức tự chọn</i>															
37	Quản lý chất lượng trong nội thất						✓									
38	Sản phẩm mộc truyền thống				✓				✓		✓			✓		
39	Thiết kế nội thất biệt thự					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
40	Thiết kế nội thất công trình thương nghiệp					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
41	Thiết kế nội thất công trình công sở					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
42	Thiết kế nội thất công trình khách sạn					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
43	Thiết kế nội thất công trình vui chơi, giải trí					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
44	Thiết kế trưng bày triển lãm					✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓		✓
45	Cây xanh trong TKNT		✓													
46	Thiết kế xanh				✓		✓	✓	✓					✓		✓
47	Thiết kế tiểu cảnh					✓	✓		✓	✓	✓			✓		✓

48	Marketing							✓					✓			
49	Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp							✓					✓			
2.3	Kiến thức bổ trợ															
2.3.1	Kiến thức bắt buộc															
50	Cơ sở kiến trúc		✓	✓		✓				✓						
51	Tin học chuyên ngành nội TKNT													✓		✓
2.3.2	Kiến thức tự chọn															
52	Tin học nâng cao													✓		✓
53	Kỹ thuật xử lý ảnh trong TKNT								✓					✓		
54	Lựa chọn và sử dụng thiết bị gia công gỗ				✓			✓				✓				
55	Đồ họa CNC				✓		✓	✓	✓	✓				✓		
2.4	Học kỳ doanh nghiệp															
2.4.1	Thực tập 1: Cơ sở ngành		✓	✓					✓				✓			✓
2.4.2	Thực tập 2: Ngành và chuyên ngành		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓
2.5	Khóa luận tốt nghiệp		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓

4. Các bản mô tả môn học/học phần

I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

1.1. Các học phần bắt buộc

1. Triết học Mác – Lênin

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 31 tiết; thảo luận 14 tiết)

Nội dung: Chương 1 trình bày những nét khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm những vấn đề về vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm những vấn đề hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.

Điều kiện tiên quyết: Không

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 21 tiết; thảo luận 09 tiết)

Nội dung: Môn học gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 21 tiết; thảo luận 09 tiết)

Nội dung: Môn học gồm 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (Quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân chủ và nhà nước, vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình.

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 21 tiết; thảo luận 09 tiết)

Nội dung: Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 4 chương và phần Kết luận Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng giải phóng dân

tộc (1930 - 1945)

Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)

Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 21 tiết; thảo luận 09 tiết)

Nội dung: Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức và con người.

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học

6. Tiếng anh HP 1

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; bài tập 10 tiết; thảo luận 20 tiết)

Nội dung: Môn học Anh văn học phần I được triển khai dựa trên cuốn giáo trình Solutions (The 2nd Edition–Tim Falla and Paul A Davies) bao gồm 06 bài (từ bài I - Introduction đến bài 05), bao gồm những kiến thức cơ bản như sau:

- Ngữ pháp: Các thì của động từ (Hiện tại tiếp diễn, Tương lai gần, Hiện tại Hoàn thành); từ loại (danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ sở hữu); so sánh tính từ, động từ nguyên thể chỉ mục đích, dạng câu hỏi,...

- Từ vựng: Cung cấp những vốn từ cơ bản, gần gũi với cuộc sống hàng ngày: đồ ăn và đồ uống, cuộc sống ở nông thôn và thành phố, mô tả người, mô tả cảm giác, thời tiết, ... để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Điều kiện tiên quyết:

7. Tiếng anh HP 2

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; bài tập 10 tiết; thảo luận 20 tiết)

Nội dung: Môn học Anh văn học phần II được triển khai dựa trên cuốn giáo trình Solutions (The 2nd Edition, Tim Falla, Paul A. Davies) bao gồm 05 bài (từ bài 06 đến bài 10), gồm những kiến thức cơ bản như sau:

- **Ngữ pháp:** Các thì của động từ (Hiện tại đơn, quá khứ đơn, tương lai gần, Hiện tại Hoàn thành, thì tương lai); từ loại (danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ sở hữu); so sánh tính từ, động từ nguyên thể chỉ mục đích, các dạng câu hỏi,...

- **Từ vựng:** Cung cấp những vốn từ cơ bản, gần gũi với cuộc sống hàng ngày: đồ ăn và đồ uống, cuộc sống ở nông thôn và thành phố, mô tả người, mô tả cảm giác, thời tiết, ... để vận dụng vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Điều kiện tiên quyết: Tiếng anh học phần 1

8. Tin học đại cương**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; thực hành 10 tiết)

Nội dung: Phần 1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về thông tin, hiểu biết về máy tính, phần cứng, phần mềm và các ứng dụng công nghệ thông tin.

Phần 2: Cung cấp kiến thức và thực hành rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính, tương tác làm việc với hệ điều hành, khai thác một số dịch vụ trên Internet, sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng.

Điều kiện tiên quyết: Không

9. Pháp luật đại cương**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 25 tiết; bài tập/thảo luận 05 tiết, thực hành 0 tiết)

Nội dung: Các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật; các văn bản quy phạm pháp luật; các điều luật cơ bản.

Điều kiện tiên quyết: Không

1.2. Các học phần của Trường**10. Mỹ học****2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; bài tập/thảo luận 10 tiết, thực hành 0 tiết)

Nội dung: Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức về: bản chất của mỹ học. Khách thể thẩm mỹ (bản chất cái đẹp, bản chất cái hài kịch, bản chất cái bi kịch, bản chất cái trác tuyệt). Chủ thể thẩm mỹ (bản chất và cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ, phân loại các chủ thể thẩm mỹ). Nghệ thuật (bản chất xã hội của nghệ thuật, đặc trưng thẩm mỹ của nghệ thuật, một số loại hình nghệ thuật). Bồi dưỡng năng lực thẩm mỹ cá nhân thông qua bồi dưỡng lý tưởng thẩm mỹ và cách thưởng thức các loại hình, loại thể nghệ thuật.

Điều kiện tiên quyết: Không

11. Luật xa gần**3 TC**

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết, thực hành 15 tiết)

Nội dung: Các phương pháp vẽ hình chiếu. Phương pháp vẽ trong không gian 2, 3 chiều, phối cảnh. Quan hệ liên thuộc. Quan hệ cắt nhau. Quan hệ song song. Độ lớn thật. Đa diện. Đường cong và mặt cong. Các bài toán về cắt nhau, tiếp xúc của mặt cong.

Điều kiện tiên quyết: không

12. Hình họa đen trắng**4 TC**

Cấu trúc: 4 tín chỉ (lý thuyết: 15 tiết; bài tập: 15 tiết; thực hành: 30 tiết)

Nội dung: Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về bố cục hình họa; phương pháp dựng hình; tô bóng, ..., đối với tĩnh vật và hình khối cơ bản. Rèn luyện khả năng nhận thức hình thể không gian và kỹ năng thể hiện hình thể không gian trên mặt phẳng giấy bằng chất liệu chì (bút chì) đen.

Điều kiện tiên quyết: Không

13. Hình họa màu**4 TC**

Cấu trúc: 4 tín chỉ (lý thuyết: 15 tiết; bài tập: 15 tiết; thực hành: 30 tiết)

Nội dung: Nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức cơ bản về bố cục

hình họa; phương pháp dựng hình; tô bóng,... Rèn luyện khả năng nhận thức hình thể không gian và kỹ năng thể hiện hình thể không gian trên mặt phẳng giấy bằng chất liệu bột màu.

Điều kiện tiên quyết: Hình họa đen trắng

1.3. Các học phần tự chọn

14. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành nội thất 2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 25 tiết; bài tập 5 tiết, thực hành 0 tiết)

Nội dung: Khái quát chung về nghiên cứu khoa học; Đề tài nghiên cứu khoa học và đề cương đề tài nghiên cứu khoa học; Các nội dung cơ bản về báo cáo khoa học và phương pháp viết những phần cơ bản của báo cáo khoa học

Điều kiện tiên quyết: Không

15. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; bài tập 10 tiết, thực hành 0 tiết)

Nội dung: Tổng quan về văn hóa và văn hóa Việt Nam; văn hóa nhận thức; văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội; văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện tại.

Điều kiện tiên quyết: Không

16. Lịch sử Mỹ thuật 2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; thảo luận/bài tập 10 tiết, thực hành 0)

Nội dung: Khái quát về lịch sử mỹ thuật thế giới: mỹ thuật cổ đại, mỹ thuật phục hưng, mỹ thuật châu Âu thế kỷ XVII, XVIII, XIX, mỹ thuật thế kỷ XX, mỹ thuật châu Á.

Mỹ thuật Việt Nam thời nguyên thủy và thời đại dựng nước; Mỹ thuật thời kỳ phong kiến dân tộc độc lập; Mỹ thuật Việt Nam từ 1885 đến 1945; Mỹ thuật Việt Nam từ 1945 đến nay; giới thiệu một số tác giả tiêu biểu của mỹ thuật Việt Nam hiện đại.

Điều kiện tiên quyết: Không

17. Tâm lý học đại cương 2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 25 tiết; thảo luận/bài tập 05 tiết, thực hành 0)

Nội dung: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

1.4. Giáo dục thể chất 3 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều kiện tiên quyết: Không

1.5. Giáo dục quốc phòng 165 giờ/4 TC

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/5/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình môn

học Giáo dục quốc phòng cho các trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đại học và cao đẳng.

Điều kiện tiên quyết: Không

II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

2.1. Kiến thức cơ sở ngành

2.1.1. Kiến thức bắt buộc

18. Vẽ kỹ thuật trong TKNT

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết: 15 tiết; thực hành: 15 tiết)

Nội dung: Phương pháp trình bày bản vẽ kỹ thuật, tiêu chuẩn bản vẽ, các hình chiếu cơ bản, hình cắt, mặt cắt...; quy ước khái lược trong bản vẽ thiết kế nội thất và thiết kế sản phẩm nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Không

19. Cơ sở tạo hình

4 TC

Cấu trúc: 4 tín chỉ (lý thuyết: 10 tiết; bài tập: 50 tiết)

Nội dung: Nguyên lý thị giác, cảm quan thị giác, các định luật thị giác. Ngoài ra môn học còn cung cấp cho sinh viên các khái niệm tạo hình, các yếu tố tạo hình, bố cục tạo hình và vẽ cách điệu. Đặc biệt sinh viên còn được cung cấp các kiến thức về chên độ xám, khái niệm màu sắc, các dạng hoà sắc và phương pháp hoà hợp màu sắc.

20. Vật liệu nội thất

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; bài tập 5 tiết; thực hành 10 tiết)

Nội dung: Tổng quan về vật liệu nội thất; chủng loại, đặc tính cơ bản, công năng trang trí, nguyên lý chế tạo, nguyên tắc sử dụng và lựa chọn nguyên vật liệu trong trang trí nội thất

Điều kiện tiên quyết: Không

21. Nguyên lý thiết kế nội thất

3TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; bài tập 15 tiết)

Nội dung: Kiến thức cơ bản về thiết kế nội thất; các nguyên lý thiết kế, tổ chức không gian; thiết kế màu sắc nội thất, các yếu tố, hệ thống khung cảnh nội thất và phương pháp trình bày đồ án thiết kế nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Không

22. Ergonomics trong thiết kế nội thất

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; bài tập/thảo luận 10 tiết)

Nội dung: Kiến thức cơ bản về hệ thống sinh lý và diễn biến tâm lý con người; hệ thống kích thích cơ thể người ở các tư thế hoạt động trong môi trường không gian nội thất, các phương pháp nghiên cứu tâm sinh lý, phương pháp đo đạc kích thích cơ thể người.

Điều kiện tiên quyết: Không

2.1.2. Kiến thức tự chọn

23. Màu sắc trong TKNT

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 5 tiết; bài tập/thảo luận 25 tiết)

Nội dung: Khái niệm cơ bản về màu sắc; Sự cảm nhận về màu; một số nguyên tắc pha, phối màu cơ bản; Nguyên tắc sử dụng màu và tuyển chọn màu trong thiết kế sản phẩm nội thất và không gian nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Không

24. Phong thủy trong TKNT

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; bài tập 10 tiết)

Nội dung: Nguồn gốc và các khái niệm cơ bản trong Phong thủy; Ứng dụng phong thủy trong thiết kế màu sắc nội thất; Ứng dụng phong thủy trong thiết kế, tổ chức không gian nội thất; Thiết kế nội thất một số không gian công năng theo phong thủy; Các loại đồ trang trí phong thủy.

Điều kiện tiên quyết: Không

25. Thiết kế môi trường vật lý kiến trúc

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; bài tập 10 tiết)

Nội dung: Khái luận về vật lý kiến trúc; Nhiệt và khí hậu kiến trúc; Môi trường âm thanh kiến trúc; Môi trường ánh sáng kiến trúc; Thông gió và điều hòa trong kiến trúc.

Điều kiện tiên quyết: Không

26. Cơ sở mỹ thuật công nghiệp

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 10 tiết; bài tập 20 tiết)

Nội dung: Khái quát chung về mỹ thuật công nghiệp; Nghiên cứu các nguyên lý, các phương pháp cơ bản về tạo hình mỹ thuật công nghiệp; các tác phẩm mỹ thuật công nghiệp liên quan đến thiết kế nội thất.

Điều kiện tiên quyết: không

27. Tạo dáng sản phẩm công nghiệp

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 10 tiết; thực hành 20 tiết)

Nội dung: Khái quát về thiết kế tạo dáng sản phẩm công nghiệp; Cơ sở tạo hình và nguyên lý mỹ thuật cơ bản trong tạo dáng công nghiệp; Phương pháp thiết kế tạo dáng sản phẩm công nghiệp; Thiết kế màu sắc sản phẩm công nghiệp; thiết kế Ergonomic; Thiết kế tạo dáng sản phẩm với sự hỗ trợ của máy tính; Một số tư tưởng mới trong thiết

Điều kiện tiên quyết: Không

2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành

2.2.1. Kiến thức bắt buộc

28. Công nghệ gia công sản phẩm nội thất

4 TC

Cấu trúc: 4 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; bài tập 15 tiết; thực hành 15 tiết)

Nội dung: Khái niệm chung về gia công chế tạo sản phẩm nội thất; lượng dư gia công trong sản xuất đồ gỗ nội thất; tính toán nguyên vật liệu; các bước công nghệ gia công chi tiết sản phẩm nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Không

29. Thiết kế sản phẩm nội thất

4 TC

Cấu trúc: 4 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; bài tập 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Những vấn đề chung về thiết kế sản phẩm nội thất; Đặc tính và lựa chọn sử dụng vật liệu sản xuất sản phẩm nội thất; Phương pháp và trình tự thiết kế sản phẩm; Thiết kế tạo dáng, công năng, kết cấu sản phẩm nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Ergonomics trong thiết kế nội thất

30. Thiết kế nội thất nhà ở

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về nội thất nhà ở, lịch sử phát triển nhà ở, phân loại nhà ở; trình tự thiết kế và hệ thống các bản vẽ kỹ thuật; tổ chức và xử lý không gian nội thất nhà ở thông qua đặc điểm của từng loại hình nhà ở; đặc điểm của một số phong cách thiết kế nội thất nhà ở.

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thiết kế nội thất

31. Thiết kế nội thất công trình công cộng

4 TC

Cấu trúc: 4 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; bài tập 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về thiết kế nội thất công trình công cộng; Tổ chức không gian nội thất công trình công cộng; Các yếu tố trong thiết kế không gian nội thất công trình công cộng; Thiết kế không gian nội thất một số loại hình nhà công cộng.

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thiết kế nội thất

32. Đồ án thiết kế sản phẩm nội thất

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 5 tiết; đồ án 25 tiết)

Nội dung: Trình tự thiết kế sản phẩm nội thất, hệ thống các bản vẽ thiết kế sản phẩm; Tính toán nguyên vật liệu cho sản phẩm thiết kế; Hồ sơ thiết kế sản phẩm nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế sản phẩm nội thất

33. Đồ án thiết kế nội thất nhà ở

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 5 tiết; đồ án 25 tiết)

Nội dung: Những không gian công năng chính trong nội thất nhà ở; Trình tự thiết kế nội thất nhà ở và lập dự toán công trình nội thất nhà ở.

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế nội thất nhà ở

34. Đồ án thiết kế nội thất công trình công cộng

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 5 tiết; đồ án 25 tiết)

Nội dung: Phân khu không gian công năng chính trong nội thất công trình công cộng; Trình tự thiết kế nội thất và lập dự toán công trình công cộng.

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế nội thất công trình công cộng

35. Thiết kế thi công công trình nội thất

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; bài tập/thảo luận 10 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về thiết kế thi công; Nguyên lý cấu tạo và giải pháp thi công các hạng mục của công trình nội thất; Giải pháp lắp đặt các hệ thống kỹ thuật: hệ thống điện, nước, âm thanh, ánh sáng,...

Điều kiện tiên quyết: Không

36. Tổ chức thi công công trình nội thất**3 TC**

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về tổ chức thi công công trình nội thất; Phương pháp xây dựng và quản lý tiến độ thi công; Phương án bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn trong thi công; Tổ chức và quản lý quá trình thi công; Tổ chức nghiệm thu và bảo hành công trình,...

Điều kiện tiên quyết: Không

2.2.2. Kiến thức tự chọn**37. Quản lý chất lượng trong nội thất****2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; thảo luận/bài tập 10 tiết)

Nội dung: Khái niệm cơ bản về chất lượng, quản lý chất lượng sản phẩm, kiểm tra chất lượng, kiểm soát chất lượng và quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng; Phương pháp và tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm nội thất; Phương pháp và tổ chức kiểm soát sản phẩm nội thất; Xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng trong sản xuất sản phẩm nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Không

38. Sản phẩm mộc truyền thống**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; thảo luận/bài tập 10 tiết)

Nội dung: Sự phát triển đồ mộc thế giới qua các giai đoạn, đặc điểm đặc trưng của đồ mộc từng giai đoạn đó; Đặc điểm đồ mộc truyền thống Việt nam về tạo hình, liên kết, trang sức, vật liệu, mối quan hệ của chúng với các yếu tố xã hội khác.

Điều kiện tiên quyết: Không

39. Thiết kế nội thất biệt thự**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về nội thất nhà ở Biệt thự; Phân loại nhà ở biệt thự; Phương pháp và trình tự thiết kế mặt bằng nhà ở biệt thự; Tổ chức và xử lý không gian nội thất nhà ở biệt thự; giới thiệu một số phong cách thiết kế nhà ở Biệt thự.

Điều kiện tiên quyết: Không

40. Thiết kế nội thất công trình thương nghiệp**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về nội thất công trình thương nghiệp; Tổ chức không gian và xử lý mặt phân cách công trình thương nghiệp; Thiết kế tạo hình bề mặt cửa hàng, cửa vào, tủ trưng bày hàng hóa, biển quảng cáo, vật liệu trang trí; Thiết kế chiếu sáng công trình thương nghiệp.

Điều kiện tiên quyết: Không

41. Thiết kế nội thất công trình công sở**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về nội thất công trình công sở; Yêu cầu thiết kế, phân loại bố trí, tổ chức phân cách, thiết kế môi trường tâm lý và vật lý của công trình công sở.

Điều kiện tiên quyết: Không

42. Thiết kế nội thất công trình khách sạn**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về nội thất khách sạn; Nguyên tắc thiết kế và tổ chức không gian công trình khách sạn; chủng loại và tiêu chuẩn diện tích các không gian, sản phẩm nội thất, thiết bị sử dụng trong không gian công trình khách sạn; Thiết kế màu sắc và ánh sáng các không gian trong công trình khách sạn.

Điều kiện tiên quyết: Không

43. Thiết kế nội thất công trình vui chơi, giải trí**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về nội thất công trình vui chơi, giải trí; Tổ chức và xử lý các không gian; Thiết kế màu sắc, ánh sáng và âm thanh trong công trình vui chơi, giải trí.

Điều kiện tiên quyết: Không

44. Thiết kế trưng bày triển lãm**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Khái niệm cơ bản về trưng bày triển lãm, lịch sử phát triển, phạm vi và chức năng của trưng bày triển lãm; Đặc điểm và nội dung của trưng bày triển lãm; Nguyên tắc thiết kế trưng bày triển lãm.

Điều kiện tiên quyết: Không

45. Cây xanh trong thiết kế nội thất**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết)

Nội dung: Tổng quan về cây xanh trong nội thất: khái niệm, phân loại, vai trò và tác dụng; Đặc điểm hình thái, sinh thái, kỹ thuật trồng và chăm sóc một số loại cây sử dụng phổ biến hoặc có triển vọng được sử dụng trong nội thất; Hướng dẫn cách chọn và bài trí cây xanh nội thất trên cơ sở đặc tính sinh vật học của loài theo từng công trình chức năng.

Điều kiện tiên quyết: Không

46. Thiết kế xanh**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; thảo luận/bài tập 10 tiết)

Nội dung: Tổng quan về sản phẩm xanh, các khái niệm về công nghệ xanh, kỹ thuật xanh, bao bì xanh,... Giới thiệu về các quy trình thiết kế sản phẩm nội thất xanh, chuẩn tắc thiết kế xanh, các phương thức đánh giá chất lượng sản phẩm xanh,...

Điều kiện tiên quyết: Không

47. Thiết kế tiểu cảnh**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Tổng quan về tiểu cảnh trong trang trí nội thất; Nội dung và phương pháp thiết kế tiểu cảnh nội thất; Yếu tố cấu thành và đặc điểm của một số tiểu cảnh dùng trong trang trí các không gian công năng của nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Không

48. Marketing căn bản**2 TC**

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; bài tập/thảo luận 15 tiết)

Nội dung: Khái niệm, yêu cầu, nhiệm vụ cơ bản của marketing; các chính sách marketing (4P); công cụ xây dựng kế hoạch, chiến lược marketing trong DN; Các yếu tố ảnh hưởng đến việc hoạch định kế hoạch, chiến lược marketing trong DN.

Điều kiện tiên quyết: Không

49. Khởi sự và tạo lập doanh nghiệp

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 15 tiết; bài tập/thảo luận 15 tiết)

Nội dung: Những vấn đề cơ bản về khởi sự; Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch khởi sự kinh doanh; Tài chính với quá trình khởi sự kinh doanh; Tạo lập và triển khai hoạt động kinh doanh

Điều kiện tiên quyết: Không

2.3. Kiến thức bổ trợ

2.3.1. Kiến thức bắt buộc

50. Cơ sở kiến trúc

3TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 30 tiết; đồ án 15 tiết)

Nội dung: Khái quát về kiến trúc, lịch sử kiến trúc, phong cách kiến trúc; kết cấu kiến trúc, các bản vẽ thi công kiến trúc.

Điều kiện tiên quyết: Không

51. Tin học chuyên ngành TKNT

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ (lý thuyết 05 tiết; bài tập 0 tiết; thực hành 40 tiết)

Nội dung: Giới thiệu và ứng dụng phần mềm autoCAD, 3Ds Max và Photoshop trong thiết kế sản phẩm và nội thất; các lệnh vẽ cơ bản, lệnh hiệu chỉnh các đối tượng, lệnh gán vật liệu, màu sắc cho đối tượng trong môi trường 2D, 3D, in ấn và xuất bản vẽ.

Điều kiện tiên quyết: Không

2.3.2. Kiến thức tự chọn

52. Tin học nâng cao

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 05 tiết; bài tập 0 tiết; thực hành 25 tiết)

Nội dung: Tổng quan về Sketchup; Các công cụ làm việc trong Sketchup; Nhóm quản lý đối tượng; Cài đặt và sử dụng Plugin thông dụng trong thiết kế nội thất; Vray cho Sketchup.

Điều kiện tiên quyết: Không

53. Kỹ thuật xử lý ảnh trong TKNT

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 05 tiết; thực hành 25 tiết)

Nội dung: Tổng quan và các khái niệm trong Photoshop; Các công cụ thường dùng trong Photoshop; Chỉnh sửa ảnh hậu kỳ

Điều kiện tiên quyết: Không

54. Lựa chọn và sử dụng thiết bị gia công gỗ

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; thực hành 10 tiết)

Nội dung: Kiến thức cơ bản thiết bị gia công gỗ và sản phẩm nội thất, nguyên lý vận hành và phạm vi ứng dụng của các loại thiết bị gia công trong sản xuất gỗ và sản

phẩm nội thất.

Điều kiện tiên quyết: Không

55. Đồ họa CNC

2 TC

Cấu trúc: 2 tín chỉ (lý thuyết 20 tiết; thực hành 10 tiết)

Nội dung: Tổng quan về CNC và phần mềm đồ họa dùng trong CNC; Ứng dụng phần mềm Yunxi trong thiết kế sản phẩm và nội thất; Ứng dụng phần mềm Haixun trong thiết kế sản phẩm và nội thất; Ứng dụng phần mềm JDPaint trong điêu khắc.

Điều kiện tiên quyết: Không

2.4. Học kỳ doanh nghiệp

2.4.1. Thực tập 1: Cơ sở ngành

3 TC

Cấu trúc: 3 tín chỉ

Nội dung: Tìm hiểu chung về đặc điểm kiến trúc và phong cảnh tại địa điểm thực tập; Ghi chép (vẽ kí họa) các đối tượng kiến trúc, mỹ thuật, phong cảnh, phân tích những yếu tố tạo hình và nguyên lý mỹ thuật ứng dụng trong đó; Sử dụng các yếu tố thu thập được (vốn cổ, thiên nhiên...) sáng tạo theo yêu cầu, rèn luyện khả năng bố cục tạo hình; Sáng tạo theo chủ đề lấy cảm hứng từ những đối tượng quan sát được tại nơi thực tập; Tổng hợp ghi chép thành bài thu hoạch theo nội dung yêu cầu của từng môn học/học phần.

Điều kiện tiên quyết: Luật xa gần; Cơ sở tạo hình phẳng; Cơ sở tạo hình khối; Hình họa đen trắng; Hình họa màu

2.4.2. Thực tập 2: Ngành và chuyên ngành

12TC

Cấu trúc: 12 tín chỉ

Nội dung: Tìm hiểu tình hình sản xuất và kinh doanh của Công ty, Doanh nghiệp, Nhà máy; Thực hiện thiết kế và thi công sản phẩm nội thất, thiết kế và thi công công trình nội thất theo yêu cầu của đơn vị đến thực tập. Bước đầu chủ động giải quyết vấn đề thực tế về chuyên môn.

Điều kiện tiên quyết: Vật liệu nội thất; Công nghệ gia công sản phẩm nội thất; Thiết kế sản phẩm nội thất; Thiết kế nội thất nhà ở; Thiết kế nội thất công trình công cộng; Thiết kế thi công công trình nội thất; Tổ chức thi công công trình nội thất.

5. Phương pháp và hình thức đào tạo

- Hình thức đào tạo: Theo hệ thống tín chỉ
- Phương pháp đào tạo:
 - + Tổ chức các phương pháp giảng dạy phù hợp và hiện đại trên nguyên tắc lấy sinh viên là trung tâm;
 - + Coi trọng việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên
 - + Kết hợp các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy và thực hành theo công trình thực tế
 - + Thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm và chỉnh sửa trực tiếp tại các buổi thực hành, làm đồ án tại lớp và tại hiện trường.

6. Cách thức đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và của Trường Đại học Lâm nghiệp.

7. Các chương trình đào tạo được tham khảo

7.1. Các chương trình trong nước

1. Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội: 145 tín chỉ/4.5 năm
http://hau.edu.vn/Cac-nganh-dao-tao-Khoa-Noi-that--My-thuat-CN_n801.html
2. Trường Đại học Kiến trúc Hồ Chí Minh: 173 tín chỉ/5 năm
<http://www.uah.edu.vn/router/thiet-ke-noi-that-367.html>
3. Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng: 160 tín chỉ/5 năm
<http://kientruc.dau.edu.vn/intro.aspx?m=71>
4. Trường Đại học Nguyễn Trãi: 165 tín chỉ/5 năm
<http://daihocnguyentrai.edu.vn/thiet-ke-noi/>

7.2. Các chương trình quốc tế

1. Queensland University – Úc: 144 tín chỉ/ 3 năm
- <https://www.qut.edu.au/courses/bachelor-of-design-interior-architecture>
2. European Institute of Design - Milano Campus – Ý: 180 tín chỉ/ 3 năm
<https://www.ied.edu/milan/design-school/undergraduate-courses/interior-design/DBB810E>
3. Iowa State University - Mỹ: 129.5 - 130.5 tín chỉ/ 4 năm
<https://catalog.iastate.edu/collegeofdesign/interiordesign/#fouryearplantext>
4. 南京林业大学 (Đại học Lâm nghiệp Nam Kinh): 170 tín chỉ/4 năm
<https://art.njfu.edu.cn/>
5. 同济大学 (Đại học Đồng Tế): 160 tín chỉ/ 4 năm và 200 tín chỉ/5 năm
<https://caup.tongji.edu.cn/10948/list.htm>
6. 扬州大学 (Đại học Dương Châu): 164 tín chỉ/ 4 năm
<http://msxy.yzu.edu.cn/col/col43421/index.html>

8. Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT

Cùng thời điểm rà soát khung chương trình đào tạo (2 năm/lần).

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2022


Trần Văn Chí